

Bản án số: 57/2022/DS-ST

Ngày: 05-8-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Hoàng Tuyền.

- Ông Lương Tú Huân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 225/2022/TLST - DS, ngày 15 tháng 6 năm 2022, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2022/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- Bị đơn: Bà Võ Thị Thanh T, sinh năm 1977 và ông Đàm Văn T, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn 11, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình làm việc nguyên đơn bà Trần Thị Đ trình bày:

Tôi và vợ chồng ông Đàm Văn T và Võ Thị Thanh T có quan hệ vay tiền với nhau từ lâu rồi, cụ thể bắt đầu từ năm nào thì không còn nhớ nữa, nhưng đến ngày 26/12/2020 (âm lịch) chúng tôi có đối chiếu nợ tại nhà ông T; thì vợ chồng ông T còn nợ tổng cộng là 76.000.000 đồng, lãi suất là 1,3%/tháng; hẹn đến tháng 02/2021 (âm lịch) trả đủ nợ, không trả được thì cắt 05 mét đất trả nợ; đến hẹn trả nợ nhưng vợ chồng ông T không trả nợ được, khi đó vợ chồng ông T hẹn tiếp đến tháng 3/2022 trả, do tôi thấy vợ chồng ông T khó khăn nên đồng ý.

Nhưng đến tháng 3/2022 vợ chồng ông T vẫn không trả; nay yêu cầu vợ chồng ông T trả số tiền gốc 76.000.000 đồng; tiền lãi tính từ 20/12/2020 (âm lịch) cho đến ngày giải quyết xong vụ án, mức lãi suất 01%/tháng.

Về án phí dân sự yêu cầu vợ chồng ông T phải chịu án phí dân sự.

Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình làm việc bị đơn ông Đàm Văn T và bà Võ Thị Thanh T trình bày:

Do nhu cầu cần vốn để đầu tư sản xuất phục vụ kinh tế gia đình, ông Đàm Văn T và vợ là Võ Thị Thanh T có vay tiền của bà Trần Thị Đ, cụ thể thời gian vay từ năm 2014, số tiền vay là 7.000.000 đồng; lãi suất không biết chỉ nói là cuối năm tính toán với nhau; cuối năm 2014 đã trả tiền lãi cho bà Đ 2.500.000 đồng; từ đó đến nay vẫn trả lãi suất bình thường, chỉ có 02 năm (năm 2015 và 2022 chưa trả tiền lãi cho bà Đ). Đến ngày 26/12/2020 (âm lịch) bà Đ và vợ chồng tôi có đối chiếu công nợ, khi đó bà Đ cộng cả tiền nợ gốc và tiền lãi suất lại là 76.000.000 đồng, ghi lãi suất là 1,3%, hẹn đến tháng 02/2022 (âm lịch) là trả hết nợ, vợ chồng tôi có ký vào giấy mượn tiền này. Thực tế chúng tôi không có nợ 76.000.000 đồng này như trong giấy mượn tiền, chỉ nợ 7.000.000 đồng thôi, khi đối chiếu nợ tại nhà chúng tôi, do bà Đ la to vợ chồng tôi sợ quá nên ký vào giấy mượn tiền này.

Nay bà Đ yêu cầu trả 76.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất 01%/tháng. Chúng tôi không chấp nhận trả số nợ 76.000.000 đồng trên chỉ chấp nhận trả 40.000.000 đồng, thời gian trả vào cuối tháng 12/2022. Lãi suất không chấp nhận trả vì kinh tế khó khăn.

Về án phí đề nghị miễn án phí cho gia đình, nếu không được thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ đã được thu thập tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ, cần buộc ông Đàm Văn T và bà Võ Thị Thanh T trả cho bà Trần Thị Đ 76.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn bà Trần Thị với bị đơn ông Đàm Văn T và bà Võ Thị Thanh T là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Trần Thị Đ với vợ chồng ông Đàm Văn T, bà Võ Thị Thanh T có quan hệ vay tiền với nhau, đến ngày 26/12/2020 (âm lịch) có đối chiếu nợ, khi đối chiếu thì vợ chồng ông T còn nợ bà Đào số tiền 76.000.000 đồng, lãi suất là 1,3%/tháng, vợ chồng ông T hẹn đến tháng 02/2021 (âm lịch) trả đủ nợ, không trả thì cắt 05 mét đất để trả nợ, khi đến hạn trả nợ nhưng vợ chồng ông T không trả nên bà Đ yêu cầu trả nợ.

Xét thấy, việc thiết lập hợp đồng vay tài sản giữa bà Đ và vợ chồng ông T, bà T là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên đây là giao dịch hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Bà Đ đã thực hiện xong nghĩa vụ của mình nhưng vợ chồng ông T không thực hiện nghĩa vụ là phải trả tiền đủ, đúng thời hạn đã thỏa thuận. Như vậy, vợ chồng ông T đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Vì vậy, bà Đ yêu cầu ông T, bà T trả nợ là có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông T cho rằng: Thực tế vợ chồng Ông không có nợ 76.000.000 đồng như trong giấy mượn tiền ngày 26/12/2010 (âm lịch), chỉ nợ 7.000.000 đồng thôi, khi đối chiếu nợ tại nhà chúng tôi, do bà Đ la to vợ chồng tôi sợ quá nên ký vào giấy mượn tiền này, vợ chồng ông T chỉ chấp nhận trả 40.000.000 đồng vào tháng 12/2022 (tại phiên tòa chỉ chấp nhận trả 38.000.000 đồng). Tuy nhiên, bà Đ cho rằng không có sự ép buộc vì khi đối chiếu nợ là tại nhà ông T; mặt khác, vợ chồng ông T cũng không có chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình, nên không chấp nhận.

Như vậy, vợ chồng ông có vay bà Đ số tiền 76.000.000 đồng là có thật. Vì vậy, cần buộc ông T, bà T phải trả cho bà Đ số tiền 76.000.000 đồng nợ gốc.

[3] Về lãi suất: Khi xác lập quan hệ vay tiền bà Đ và vợ chồng ông T thỏa thuận lãi suất là 1,3%/tháng, nay bà Đ yêu cầu vợ chồng ông T trả lãi suất 01%/tháng, kể từ ngày vay cho đến ngày giải quyết xong vụ án. Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn về mức lãi suất là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Đối với việc vợ chồng ông T xin không phải tiền lãi suất vì kinh tế gia đình khó khăn nhưng bà Đ không chấp nhận. Vì vậy, cần buộc vợ chồng ông T phải trả tiền lãi cho bà Đ.

Như vậy, lãi suất được tính từ 26/12/2020 (âm lịch), dương lịch là 07/02/2021 đến 05/8/2022 là 18 tháng: $76.000.000 \text{ đồng} \times 01\%/\text{tháng} \times 18 \text{ tháng} = 13.680.000 \text{ đồng}$.

[4] Về thời hạn trả nợ: Vợ chồng ông T cho trình bày do kinh tế khó khăn nên không có điều kiện trả ngay số tiền 38.000.000 đồng vào tháng 12/2022, nhưng bà Đ không đồng ý; mặt khác, khoản nợ trên của vợ chồng ông T đã quá hạn, nên không chấp nhận ý kiến của vợ chồng ông T.

[5] Về án phí dân sự: Ông T có đơn xin miễn tiền án phí dân sự lý do là người dân tộc thiểu số sống ở địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn nhưng xét

thấy ông T không thuộc trường hợp được miễn án phí như trên nên không chấp nhận. Cần buộc ông , bà T phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466; Điều 470; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Đ. Buộc ông Đàm Văn T và bà Võ Thị Thanh T phải trả cho bà Trần Thị Đ số tiền 89.680.000 đồng (Tám mươi chín triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng). Trong đó, nợ gốc là 76.000.000 đồng; nợ lãi là 13.680.000 đồng (tạm tính đến 05/8/2022).

Kể từ ngày 06/8/2022 cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự: Buộc ông Đàm Văn T và bà Võ Thị Thanh T phải chịu 2.242.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho bà Trần Thị Đ 1.900.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, theo biên lai số 0000931, ngày 02/6/2022.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị Đ; bị đơn ông Đàm Văn T và bà Võ Thị Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'Leo;
- Công TTĐT Tòa án;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Đăng Khoa